

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 79 /2008/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2008

WEBSITE CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN BẢN

Số: 79/2008

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Kính chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động
của Khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình và Bộ trưởng
Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Khu
kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình.

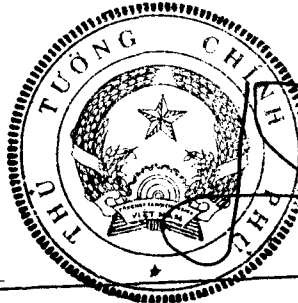
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng
Công báo.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ
quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Bình;
- VP BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ban Quản lý KKTCK QT Bờ Y;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN,
- Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ,
- các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b). 120

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ

Hoạt động của Khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 79 /2008/QĐ-TTg
ngày 10 tháng 6 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định tổ chức và hoạt động, một số chính sách và quản lý nhà nước đối với Khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình; quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ và nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng tại Khu kinh tế Hòn La.

Điều 2.

1. Khu kinh tế Hòn La là khu vực có ranh giới địa lý xác định thuộc lãnh thổ và chủ quyền của quốc gia nhưng có không gian kinh tế riêng biệt, với môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi và bình đẳng bao gồm: các khu chức năng, các công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng, với các chính sách ưu đãi, khuyến khích, ổn định lâu dài và cơ chế quản lý thông thoáng tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư yên tâm đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong khung pháp lý hiện hành và ngày càng hoàn thiện.

2. Khu kinh tế Hòn La bao gồm 6 xã ven biển của huyện Quảng Trạch là Quảng Đông, Quảng Phú, Quảng Tùng, Cảnh Dương, Quảng Hưng và Quảng Xuân; khu hạt nhân của Khu kinh tế Hòn La là Quảng Đông, Quảng Phú; có diện tích tự nhiên khoảng 10.000 ha, trong đó phần đất liền khoảng 8.900 ha, phần đảo khoảng 1.100 ha; được giới hạn như sau: phía Bắc giáp tỉnh Hà Tĩnh; phía Nam giáp xã Quảng Thọ, huyện Quảng Trạch; phía Tây giáp các xã: Quảng Kim, Quảng Tiến và Quảng Châu, huyện Quảng Trạch; phía Đông giáp biển Đông.

Điều 3. Mục tiêu phát triển chủ yếu của Khu kinh tế Hòn La

1. Khai thác tối đa lợi thế về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý kinh tế và chính trị trong giao thương, dịch vụ quốc tế và trong nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh Quảng Bình, khu vực Bắc Trung Bộ và cả miền Trung nhằm góp phần thu hẹp khoảng cách khu vực này với các vùng khác trong cả nước.

2. Xây dựng và phát triển Khu kinh tế Hòn La thành khu kinh tế tổng

hợp với các ngành chủ chốt là công nghiệp phụ trợ, sản xuất điện năng, đóng tàu biển, tàu đánh cá, công nghiệp xi măng, sản xuất thủy tinh cùng với các ngành công nghiệp bổ trợ khác; dịch vụ cảng biển Hòn La, phát triển du lịch Vũng Chùa - Đảo Yến, khu đô thị và một số ngành kinh tế khác.

3. Xây dựng và kinh doanh khu phi thuế quan gắn với việc đầu tư khai thác có hiệu quả cảng Hòn La để cùng với quốc lộ 1A, 12A, cửa khẩu Cha Lo, Cầu Treo, Lao Bảo tạo thành cửa ngõ quan trọng thông ra biển Đông của Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan và Tiểu vùng sông Mê Kông.

4. Tạo việc làm cho người lao động, thúc đẩy đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng thu nhập cho người lao động.

5. Mục tiêu của giai đoạn 5 năm trước mắt là: Tiếp tục đầu tư xây dựng cảng biển Hòn La; xây dựng hạ tầng và thu hút đầu tư vào khu công nghiệp cảng biển Hòn La với hệ số "lấp đầy" cao. Hình thành một số hạng mục cơ bản theo quy hoạch của khu du lịch Vũng Chùa - Đảo Yến. Phát triển các điểm dân cư đô thị, từng bước hình thành khu đô thị mới hiện đại, văn minh phù hợp với khu kinh tế mang tính động lực. Hoàn thành xây dựng các trục giao thông liên vùng và nội vùng, các khu chức năng theo quy hoạch chi tiết được duyệt, thu hút các dự án đầu tư trong và ngoài nước vào đầu tư phát triển tại khu hạt nhân (Quảng Đông, Quảng Phú) của Khu kinh tế Hòn La, bước đầu khai thác cảng, khu phi thuế quan, khu công nghiệp, khu du lịch.v.v.

6. Trong các giai đoạn tiếp theo, phát triển theo hướng từ Quảng Đông tới Quảng Xuân với các bước đi thích hợp. Từng bước chuyển đổi cơ cấu kinh tế và chuẩn bị các điều kiện tiền đề để phát triển theo quy hoạch khu vực 4 xã Cảnh Dương, Quảng Tùng, Quảng Hưng, Quảng Xuân. Tiếp tục xây dựng và đầu tư phát triển hạ tầng của Khu kinh tế Hòn La. Thực hiện theo quy hoạch chi tiết được duyệt và tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và sản xuất kinh doanh các khu công nghiệp, khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khu phi thuế quan.

Điều 4. Chính phủ khuyến khích và bảo hộ các tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và các nhà đầu tư nước ngoài tham gia hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh tại Khu kinh tế Hòn La trong các lĩnh vực: đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp, phát triển đô thị, cảng biển, sân bay, kinh doanh thương mại, dịch vụ, du lịch, vui chơi, giải trí, tài chính - ngân hàng, vận tải, bảo hiểm, giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể dục thể thao, khoa học công nghệ, y tế, nhà ở, xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và các hoạt động sản xuất kinh doanh khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư trong Khu kinh tế Hòn La thực hiện theo quy định tại các điều từ Điều 11 đến Điều 21 của Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư.

Điều 6.

1. Nhà đầu tư (trừ các đối tượng quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 3 của Luật Đầu tư) thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng và kinh doanh toàn bộ hoặc một số hạng mục công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong Khu kinh tế Hòn La (gọi chung là doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng) có các quyền:

a) Được Ban Quản lý Khu kinh tế Hòn La cho thuê đất hoặc giao lại đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tương ứng của pháp luật về đất đai để đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong Khu kinh tế Hòn La;

b) Chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong Khu kinh tế Hòn La cho nhà đầu tư để đầu tư vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ trong Khu kinh tế Hòn La theo quy định tương ứng của pháp luật về đất đai;

c) Thu tiền sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong Khu kinh tế Hòn La do doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng đầu tư theo hợp đồng ký kết với bên thuê;

d) Xây dựng nhà xưởng, kho bãi theo quy hoạch trong Khu kinh tế Hòn La để bán hoặc cho thuê;

đ) Định giá cho thuê đất, giá cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, tiền sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong Khu kinh tế Hòn La theo các quy định của pháp luật hiện hành và thoả thuận của Ban Quản lý Khu kinh tế Hòn La; định giá cho thuê hoặc bán nhà xưởng, kho bãi và tiền dịch vụ;

e) Cho nhà đầu tư (trừ các đối tượng được quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 3 của Luật Đầu tư) có khả năng về tài chính và kinh nghiệm gọi vốn đầu tư thuê, thuê lại một phần hoặc toàn bộ diện tích đất chưa cho thuê được để cho thuê lại đất, gọi vốn đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai;

g) Hưởng các ưu đãi đầu tư và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, thuế, pháp luật khác liên quan và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng trong Khu kinh tế Hòn La có nghĩa vụ:

a) Xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong Khu kinh tế Hòn La theo đúng quy hoạch chi tiết, thiết kế và tiến độ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Ban Quản lý Khu kinh tế Hòn La quyết định việc chấm dứt hoạt động của các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong Khu kinh tế Hòn La đối với các trường hợp quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư; đồng thời, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất đã giao cho dự án theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Duy tu, bảo dưỡng các công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong Khu kinh tế Hòn La nhằm đảm bảo chất lượng công trình;

c) Tuân thủ các quy định của Quy chế này; quy hoạch chi tiết tại các khu chức năng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; sử dụng đất đúng mục đích được giao hoặc được thuê;

d) Thực hiện các nghĩa vụ về thuế, hải quan và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hòn La.

Điều 7.

1. Hàng năm, căn cứ các dự án đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiến độ thực hiện dự án, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh Quảng Bình để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng của Khu kinh tế Hòn La theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Cho phép áp dụng các phương thức huy động vốn sau để đầu tư và phát triển Khu kinh tế Hòn La:

a) Ưu tiên các nguồn vốn ODA và vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng của Khu kinh tế Hòn La và các trợ giúp kỹ thuật khác;

b) Thu hút vốn đầu tư theo các hình thức BOT, BT, BTO và các hình thức khác theo quy định hiện hành;

c) Huy động vốn từ quỹ đất theo quy định của pháp luật về đất đai để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội phục vụ chung cho Khu kinh tế Hòn La;

d) Huy động vốn đầu tư trực tiếp của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; vốn ứng trước của các đối tượng có nhu cầu sử dụng hạ tầng, vốn của các doanh nghiệp có chức năng xây dựng và kinh doanh các công trình hạ tầng kỹ thuật. Mở rộng hình thức tín dụng đồng tài trợ của các tổ chức tín dụng và huy động mọi nguồn vốn dưới các hình thức khác phù hợp

với quy định của pháp luật;

đ) Phát hành trái phiếu địa phương để huy động vốn đầu tư với những dự án đầu tư xây dựng hạ tầng có quy mô lớn, có vai trò then chốt đối với sự phát triển của Khu kinh tế Hòn La theo quy định của pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA KHU KINH TẾ HÒN LA

Điều 8.

1. Khu kinh tế Hòn La bao gồm hai khu chức năng chính: khu phi thuế quan và khu thuế quan.

- Khu phi thuế quan thuộc Khu kinh tế Hòn La là khu vực được xác định trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch chung xây dựng. Khu phi thuế quan được ngăn cách với khu thuế quan trong Khu kinh tế Hòn La và nội địa Việt Nam bằng hệ thống tường rào, có cổng và cửa ra, vào, bảo đảm điều kiện cho sự kiểm soát của các cơ quan chức năng có liên quan. Khu phi thuế quan có cơ quan hải quan để thực hiện việc kiểm tra, giám sát và làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa ra, vào khu phi thuế quan. Trong khu phi thuế quan không có khu dân cư, không có dân cư cư trú thường xuyên hoặc tạm trú (kể cả người nước ngoài).

- Khu thuế quan là khu vực còn lại của Khu kinh tế Hòn La. Trong khu thuế quan có các khu chức năng khác như các khu công nghiệp, khu cảng và dịch vụ hậu cần cảng, khu dân cư, khu đô thị, khu du lịch - dịch vụ, khu hành chính.

Quy mô, vị trí của từng khu chức năng được xác định trong Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế Hòn La được phép thuê công ty tư vấn nước ngoài tham gia quy hoạch chi tiết các khu chức năng như: khu đô thị, khu phi thuế quan, khu du lịch và các khu chức năng khác phù hợp với Quy hoạch tổng thể.

Điều 9. Hoạt động của khu phi thuế quan bao gồm các loại hình sản xuất, kinh doanh chủ yếu sau:

1. Trung chuyển hàng hóa, tiếp nhận, chuyển tải, vận chuyển hàng hóa từ trong nước ra nước ngoài và ngược lại.

2. Sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp hàng xuất khẩu, hàng nhập khẩu và hàng phục vụ tại chỗ.

3. Thương mại hàng hóa bao gồm xuất khẩu, nhập khẩu, chuyển khẩu, tạm nhập - tái xuất, phân phối, cửa hàng và siêu thị bán lẻ, cửa hàng và siêu thị miễn thuế.

4. Thương mại dịch vụ bao gồm phân loại, đóng gói, vận chuyển giao nhận hàng hoá quá cảnh, bảo quản, kho tàng, kho ngoại quan, bưu chính, viễn thông, tài chính, ngân hàng, vận tải, bảo hiểm, vui chơi, giải trí, nhà hàng ăn uống.

5. Xúc tiến thương mại bao gồm hội chợ triển lãm, các cửa hàng giới thiệu sản phẩm, chi nhánh, văn phòng đại diện của các công ty trong nước và nước ngoài, tổ chức tài chính, ngân hàng và các hoạt động thương mại khác.

Điều 10.

1. Quan hệ trao đổi hàng hoá, dịch vụ giữa khu phi thuế quan với nước ngoài và giữa các tổ chức kinh tế trong khu phi thuế quan với nhau được áp dụng theo quy định về quan hệ trao đổi giữa nước ngoài với nước ngoài. Các tổ chức kinh tế hoạt động trong khu phi thuế quan được xuất khẩu ra nước ngoài và nhập khẩu từ nước ngoài tất cả hàng hoá, dịch vụ mà pháp luật Việt Nam không cấm xuất khẩu và nhập khẩu. Hàng hóa từ nước ngoài nhập khẩu vào khu phi thuế quan hoặc hàng hóa từ khu phi thuế quan xuất khẩu ra nước ngoài không phải nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu (trừ hàng hóa quy định tại Khoản 2 Điều 15 của Quy chế này).

2. Không hạn chế thời gian lưu trữ hàng hoá trong khu phi thuế quan.

3. Tàu nước ngoài được phép trực tiếp vào khu cảng phi thuế quan nhận hàng và giao hàng, không phải làm thủ tục xuất nhập cảnh đối với người, chỉ làm thủ tục xuất nhập cảnh đối với tàu tại phao số 0.

Điều 11.

1. Hàng hóa ra, vào khu thuế quan thuộc Khu kinh tế Hòn La phải tuân theo các quy định của pháp luật về hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; được áp dụng thủ tục hải quan thuận lợi nhất.

2. Hàng hóa được tự do lưu thông giữa khu thuế quan và nội địa Việt Nam.

Điều 12.

1. Quan hệ trao đổi hàng hoá, dịch vụ giữa khu phi thuế quan với khu thuế quan (trừ khu chế xuất) trong Khu kinh tế Hòn La và nội địa Việt Nam được áp dụng theo quy định về quan hệ trao đổi giữa nước ngoài với Việt Nam và phải tuân theo các quy định hiện hành của pháp luật về hải quan và về thuế xuất, nhập khẩu. Quan hệ trao đổi hàng hoá, dịch vụ giữa khu phi thuế quan với khu chế xuất trong Khu kinh tế Hòn La được áp dụng theo quy định về quan hệ trao đổi giữa nước ngoài với nước ngoài.

2. Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại khu thuế quan trong Khu kinh tế Hòn La và nội địa Việt Nam chỉ được nhập từ khu phi thuế quan hàng hoá, dịch vụ mà Việt Nam không cấm nhập khẩu hoặc không hạn chế nhập khẩu và được bán vào khu phi thuế quan những hàng hoá, dịch vụ mà Việt Nam không cấm xuất khẩu.

Điều 13. Cho phép nhà đầu tư nước ngoài đầu tư kinh doanh dịch vụ viễn thông quốc tế để phục vụ riêng cho Khu kinh tế Hòn La với mức phí do nhà đầu tư tự quyết định, phù hợp với lộ trình hội nhập quốc tế mà Việt Nam đã cam kết.

Chương III

ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

Điều 14.

1. Nhà đầu tư được quyền lựa chọn thực hiện các dự án đầu tư tại Khu kinh tế Hòn La (trừ những dự án thuộc danh mục lĩnh vực cấm đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư).

2. Các dự án đầu tư trong nước và các dự án có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư vào Khu kinh tế Hòn La được thực hiện theo quy trình đăng ký đầu tư và thẩm tra đầu tư nhanh chóng và thuận lợi để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

3. Các dự án đầu tư vào Khu kinh tế Hòn La, kể cả các dự án đầu tư mở rộng, được hưởng chính sách ưu đãi áp dụng đối với địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các chính sách ưu đãi khác theo quy định của số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

4. Nhà đầu tư được miễn thuế nhập khẩu trong 05 năm, kể từ ngày bắt đầu hoạt động sản xuất đối với hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bán thành phẩm thuộc diện hàng hóa trong nước chưa sản xuất được, được nhập khẩu để phục vụ sản xuất trong Khu kinh tế Hòn La.

5. Người Việt Nam và người nước ngoài làm việc tại Khu kinh tế Hòn La được giảm 50% thuế thu nhập đối với người có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập.

6. Ngoài những ưu đãi được hưởng theo quy định tại Quy chế này, các dự án đầu tư sau đây của nhà đầu tư trong Khu kinh tế Hòn La được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án:

a) Dự án thuộc các lĩnh vực công nghệ cao đáp ứng quy định tại Khoản 2 Điều 5 của Quy chế Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ;

b) Dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư và có ảnh hưởng lớn về kinh tế - xã hội, được Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định trong trường hợp cần có khuyến khích cao hơn.

Điều 15.

1. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu trong các trường hợp sau đây không thuộc diện chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

a) Hàng hoá từ nước ngoài hoặc từ khu phi thuế quan khác nhập khẩu vào khu phi thuế quan trong Khu kinh tế Hòn La;

b) Hàng hoá từ khu phi thuế quan xuất khẩu ra nước ngoài;

c) Hàng hoá từ khu phi thuế quan chuyển sang hoặc bán cho khu phi thuế quan khác hoặc doanh nghiệp chế xuất trong lãnh thổ Việt Nam;

d) Hàng hoá không thuộc diện chịu thuế xuất khẩu có xuất xứ từ nội địa Việt Nam đưa vào khu phi thuế quan (trừ hàng hoá quy định tại khoản 2 Điều này).

2. Hàng hoá thuộc diện chịu thuế xuất khẩu có xuất xứ từ khu thuế quan trong Khu kinh tế Hòn La và nội địa Việt Nam đưa vào khu phi thuế quan để xuất khẩu ra nước ngoài mà không qua sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp thành sản phẩm tại khu phi thuế quan phải nộp thuế xuất khẩu, làm thủ tục xuất khẩu theo quy định hiện hành và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan.

3. Hàng hoá có xuất xứ từ nước ngoài và không thuộc danh mục hàng hoá cấm nhập khẩu hoặc hạn chế nhập khẩu từ khu phi thuế quan nhập vào khu thuế quan (trừ khu chế xuất) trong Khu kinh tế Hòn La và nội địa Việt Nam phải nộp thuế nhập khẩu, làm thủ tục nhập khẩu theo quy định hiện hành và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan.

4. Hàng hoá được sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan có sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài khi nhập khẩu vào khu thuế quan (trừ khu chế xuất) trong Khu kinh tế Hòn La và nội địa Việt Nam chỉ phải nộp thuế nhập khẩu đối với phần nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài cấu thành trong sản phẩm, hàng hoá đó và phải làm thủ tục nhập khẩu theo quy định hiện hành và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan.

5. Hàng hoá, dịch vụ được sản xuất, tiêu thụ trong khu phi thuế quan và hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan không phải chịu thuế giá trị gia tăng. Hàng hoá, dịch vụ từ nội địa Việt Nam và khu thuế quan trong Khu kinh tế Hòn La đưa vào khu phi thuế quan được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 0%. Hàng hoá, dịch vụ từ khu phi thuế quan đưa vào nội địa Việt Nam và khu thuế quan (trừ khu chế xuất) trong Khu kinh tế Hòn La phải chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

6. Hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được sản xuất, tiêu thụ trong khu phi thuế quan hoặc được nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ mặt hàng có quy định riêng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt).

7. Hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ khu phi thuế quan đưa vào khu thuế quan trong Khu kinh tế Hòn La và nội địa Việt Nam phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

8. Nguyên liệu sản xuất, vật tư hàng hoá do các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ trong khu phi thuế quan nhập từ nước ngoài nhưng không sử dụng hết và các thứ phẩm còn có giá trị thương mại được phép bán vào khu thuế quan (trừ khu chế xuất) trong Khu kinh tế Hòn La và nội địa Việt Nam sau khi hoàn tất thủ tục hải quan và nộp thuế nhập khẩu theo quy định hiện hành.

9. Các dự án đầu tư để sản xuất hàng hoá xuất khẩu và vận chuyển hàng hoá quá cảnh thực hiện theo các quy định chung.

Điều 16. Nhà đầu tư (trừ các đối tượng được quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 3 của Luật Đầu tư) được đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu chức năng để cho thuê, cho thuê lại hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã xây dựng hạ tầng trong Khu kinh tế Hòn La theo quy định tương ứng của pháp luật về đất đai. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài được mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở trong Khu kinh tế Hòn La; người nước ngoài thường trú tại Việt Nam và các nhà đầu tư nước ngoài được thuê nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở trong Khu kinh tế Hòn La theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật về đất đai.

Điều 17. Áp dụng chính sách một giá đối với các hàng hoá, dịch vụ và tiền thuê đất đối với các tổ chức, cá nhân, không phân biệt trong nước và nước ngoài, có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Khu kinh tế Hòn La.

Chương IV

SỬ DỤNG ĐẤT TRONG KHU KINH TẾ HÒN LA

Điều 18.

1. Toàn bộ diện tích đất, mặt nước chuyên dùng dành cho đầu tư xây dựng và phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu phi thuế quan trong Khu kinh tế Hòn La có trong Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng trong Khu kinh tế Hòn La do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình phê duyệt, được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình giao một lần cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hòn La để tổ chức triển khai xây dựng và phát triển. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình chỉ đạo thực hiện việc thu hồi đất đối với diện tích đất, mặt nước được quy hoạch để xây dựng các khu chức năng trong Khu kinh tế Hòn La.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình chỉ đạo thực hiện việc thu hồi đất đối với diện tích đất, mặt nước theo kế hoạch sử dụng đất chi tiết được phê

duyệt đối với diện tích đất, mặt nước sử dụng cho các khu chức năng còn lại và các mục đích khác trong Khu kinh tế Hòn La để giao cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hòn La theo kế hoạch sử dụng đất chi tiết đã được phê duyệt để tổ chức triển khai xây dựng và phát triển Khu kinh tế Hòn La.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình chịu trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Hòn La để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất, mặt nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi để giao cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hòn La thực hiện việc giao lại đất, cho thuê đất cho người có nhu cầu sử dụng đất và để tái định cư cho các hộ gia đình bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ban Quản lý Khu kinh tế Hòn La chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng có hiệu quả quỹ đất, mặt nước chuyên dùng đã được giao theo đúng mục đích sử dụng đất và phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Quy hoạch chi tiết xây dựng, Quy hoạch chi tiết sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình phê duyệt.

4. Đối với trường hợp giao lại và cho thuê đất mà không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất:

Trên cơ sở giá đất và mức miễn, giảm tiền sử dụng đất, mức miễn, giảm tiền thuê đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình quy định và các quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, Ban Quản lý Khu kinh tế Hòn La quyết định: mức thu tiền sử dụng đất, mặt nước chuyên dùng; tiền thuê đất, mặt nước chuyên dùng; mức miễn, giảm tiền sử dụng đất, mặt nước chuyên dùng; mức miễn, giảm tiền thuê đất, mặt nước chuyên dùng đối với từng dự án đầu tư nhằm bảo đảm khuyến khích đầu tư.

5. Đối với trường hợp giao lại đất có thu tiền sử dụng đất và cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất: trên cơ sở phương án tài chính và giá đất được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình phê duyệt, Ban Quản lý Khu kinh tế Hòn La quyết định giao lại đất và cho thuê đất, mặt nước đã được bồi thường, giải phóng mặt bằng cho người có nhu cầu sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.

6. Nhà đầu tư là các tổ chức và cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được giao đất hoặc thuê đất; nhà đầu tư là các tổ chức và cá nhân nước ngoài được thuê đất để thực hiện dự án đầu tư trong Khu kinh tế Hòn La và có các quyền, nghĩa vụ tương ứng với hình thức được giao đất, thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 19. Nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng các hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đến hàng rào các khu chức năng trong Khu kinh tế Hòn La; hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng trong các khu chức năng và tái định cư cho các hộ gia đình bị thu hồi đất; hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình xử

lý nước thải và chất thải tập trung của các khu chức năng theo các chương trình mục tiêu hỗ trợ đầu tư quốc gia.

Điều 20. Nhà đầu tư trước khi xây dựng các công trình phục vụ sản xuất, kinh doanh, các công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong Khu kinh tế Hòn La phải có hồ sơ xin phép Ban Quản lý Khu kinh tế Hòn La theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý Khu kinh tế Hòn La xem xét, quyết định và có văn bản trả lời nhà đầu tư.

Trong quá trình triển khai xây dựng các công trình, nếu phát hiện có di tích lịch sử, văn hóa, thực hiện giải quyết theo Luật Di sản văn hóa.

Điều 21. Việc quản lý xây dựng các công trình phục vụ sản xuất, kinh doanh, các công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong Khu kinh tế Hòn La được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Chương V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, LAO ĐỘNG, TỔ CHỨC KINH DOANH, XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, CƯ TRÚ VÀ THÔNG TIN LIÊN LẠC

Điều 22.

1. Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc, hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Khu kinh tế Hòn La và các thành viên gia đình của họ được cấp thị thực xuất, nhập cảnh có giá trị nhiều lần và có thời hạn phù hợp với thời hạn làm việc, hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Khu kinh tế Hòn La; được cư trú, tạm trú có thời hạn trong Khu kinh tế Hòn La và ở Việt Nam.

2. Khách du lịch bằng tàu biển nước ngoài đến cảng biển của Khu kinh tế Hòn La theo hợp đồng với các công ty du lịch trong nước được làm thủ tục nhập cảnh tại cảng.

Bộ Công an hướng dẫn Công an tỉnh Quảng Bình thực hiện khoản 1 và 2 của điều này.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế Hòn La được cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc, hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh tại Khu kinh tế Hòn La theo quy định của pháp luật về lao động.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn Ban Quản lý Khu kinh tế Hòn La thực hiện khoản 3 điều này.

Điều 23. Việc mua, bán, thanh toán, chuyển nhượng hàng hóa, dịch vụ

và các quan hệ giao dịch khác giữa các tổ chức kinh tế, cá nhân trong khu phi thuế quan với nhau được phép thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi thông qua tài khoản mở tại ngân hàng. Việc mua bán hàng hóa thông thường phục vụ sinh hoạt được thanh toán bằng đồng Việt Nam.

Điều 24.

1. Cho phép các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng được mở chi nhánh trong Khu kinh tế Hòn La để thực hiện các chức năng tín dụng bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ đối với các hoạt động kinh tế trong Khu kinh tế Hòn La theo quy định hiện hành.

2. Hàng hóa được vận chuyển ra hoặc vào khu phi thuế quan đều phải được định giá bằng đồng tiền tự do chuyển đổi; các loại phí nộp cho cơ quan quản lý nhà nước trong Khu kinh tế Hòn La được tính bằng đồng Việt Nam, các loại phí khác được tính bằng đồng tiền tự do chuyển đổi hoặc tính bằng đồng tiền Việt Nam theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối.

Chương VI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI KHU KINH TẾ HÒN LA

Điều 25. Nội dung quản lý nhà nước đối với Khu kinh tế Hòn La thực hiện theo quy định tại Điều 22 của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

Điều 26. Quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước của các cấp, các ngành đối với Khu kinh tế Hòn La thực hiện theo quy định tại các điều từ Điều 23 đến Điều 35 của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

Điều 27. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Hòn La thực hiện theo quy định tại các điều từ Điều 36 đến Điều 39 của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

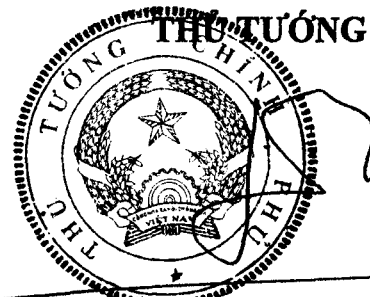
Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Những quy định khác liên quan đến hoạt động, quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ và các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng trong Khu kinh tế Hòn La không quy định trong Quy

chế này, được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 tháng 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế và các điều khoản tương ứng của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, hợp tác xã, hải quan, đất đai, xây dựng, thương mại, lao động, bảo vệ môi trường, thuế, pháp luật khác liên quan và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều 29. Các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài đã có hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ trên địa bàn Khu kinh tế Hòn La trước ngày ban hành Quy chế này được hưởng những ưu đãi cho thời gian ưu đãi còn lại như đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ tại Khu kinh tế Hòn La quy định tại Quy chế này kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành./.



Nguyễn Tấn Dũng